

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày: 24/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Ông Thạch Khêm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HS, ngày 06 tháng 8 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Đỗ Thanh H, sinh năm 1955, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Tấn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); anh chị em ruột 06 người (lớn nhất sinh năm 1926, nhỏ nhất là bị cáo); có vợ là bà Sơn Thị Ph, sinh năm 1953 và 02 người con lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố cho đến nay (có mặt).

2/ Lâm Văn Ch, sinh năm 1952, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn Ph (đã chết) và bà Diệp Thị Đ (đã chết); anh chị em ruột 05 người (lớn nhất sinh năm 1931, nhỏ nhất là bị cáo); có vợ

là Thạch Thị Th, sinh năm 1952 và 01 người con sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố cho đến nay (có mặt).

3/ Nguyễn Thanh X, sinh năm 1975, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp L, xã S, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị Th (đã chết); anh chị em ruột 08 người (lớn nhất sinh năm 1956, nhỏ nhất là bị cáo); có vợ chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1979 và 02 người con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố cho đến nay (có mặt).

4/ Ngô Văn D, sinh năm 1957, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn N (đã chết) và bà Trần Thị Th (đã chết); anh chị em ruột 09 người (kể cả bị cáo, lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất sinh năm 1978); có vợ bà Trang Thị Đ, sinh năm 1961 và 02 người con lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố cho đến nay (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1967 (vắng mặt);

2/ Anh **Trương Văn B**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Anh **Lê Văn Th**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:* Anh **Đỗ Văn Kh**, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 17/12/2018, tại nhà của ông Đỗ Văn Kh, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Công an xã T tiến hành kiểm tra bắt quả tang bị cáo Ngô Văn D, anh Bùi Văn H, sinh năm 1967, ngụ tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, anh Lê Văn Th, sinh năm 1980, ngụ tại: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Đỗ Thanh H, bị cáo Lâm Văn Ch và bị cáo Nguyễn

Thanh X đang đánh bạc được thua bằng tiền (với hình thức đánh bài binh xập xám).

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá, do các bị cáo và các đối tượng hùn tiền mua để đánh bạc;

+ 03 (ba) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím số.

+ Tiền Việt Nam: 12.760.000 đồng, trong đó:

- Thu tại chiếu bạc là: 520.000 đồng, không xác định được của ai cụ thể mỗi người bao nhiêu mà chỉ xác định được là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu trên người bị cáo và các đối tượng: 11.950.000 đồng, trong đó: Bị cáo D là 9.350.000 đồng và anh H là 2.600.000 đồng.

- Tiền các bị cáo và đối tượng giao nộp là 290.000 đồng, trong đó: Bị cáo Ch là 60.000 đồng, Bị cáo H là 80.000 đồng, Bị cáo X là 100.000 đồng và anh Th là 50.000 đồng.

Qua làm việc các bị cáo và các đối tượng thừa nhận có tham gia đánh bạc, được thua bằng tiền, cụ thể như sau:

Bị cáo Đỗ Thanh H thừa nhận có dùng số tiền 130.000 đồng để tham gia đánh bạc được thua bằng tiền và bằng vé số, bị cáo dùng 50.000 đồng để mua 05 tờ vé số (mỗi tờ vé số là 10.000 đồng) để đánh bạc được thua bằng vé số và dùng số tiền 80.000 đồng để đánh bạc được thua bằng tiền. Kết quả bị cáo thua hết 05 tờ vé số và đánh bạc được thua bằng tiền kết quả không thắng, không thua.

Bị cáo Lâm Văn Ch thừa nhận có dùng số tiền 50.000 đồng để tham gia đánh bạc được thua bằng tiền, kết quả thắng 10.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thanh X thừa nhận có tham gia đánh bạc được thua bằng tiền, khi đánh bạc bị cáo không đem theo tiền mà dự định nếu thua sẽ mượn tiền người khác để chung, kết quả bị cáo thắng được là 100.000 đồng.

Bị cáo Ngô Văn D thừa nhận có dùng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc được thua bằng vé số và bằng tiền. Khi bắt đầu tham gia đánh bạc, bị cáo dùng 200.000 đồng để mua 20 tờ vé số (mỗi tờ vé số là 10.000 đồng) để đánh bạc được thua bằng vé số và dùng số tiền là 800.000 đồng để đánh bạc được thua bằng tiền, kết quả bị cáo thua hết 20 tờ vé số đối với đánh bạc được thua bằng tiền bị cáo không nhớ thắng hay thua.

Anh Bùi Văn H thừa nhận có dùng số tiền 100.000 đồng để tham gia đánh bạc được thua bằng tiền, kết quả thua hết số tiền 100.000 đồng.

Anh Lê Văn Th Thừa nhận có dùng số tiền 150.000 đồng để tham gia đánh bạc được thua bằng tiền và bằng vé số, anh Th hàng ngày đi bán vé số nên để lại

cho mình 05 tờ vé số (mỗi tờ là 10.000 đồng) và dùng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc. Kết quả 05 tờ vé số dùng để đánh bạc vẫn còn, trong 05 tờ vé số này và tất cả những tờ vé số mà anh đã bán cho các bị cáo và các đối tượng khác đến khi xổ số thì không trúng bất cứ giải nào. Đối với đánh bạc được thua bằng tiền, kết quả anh thua hết 100.000 đồng.

Anh Trương Văn B thừa nhận có dùng số tiền 50.000 đồng để tham gia đánh bạc được thua bằng tiền và bằng vé số, anh dùng 50.000 đồng để mua 05 tờ vé số (mỗi tờ là 10.000 đồng) để đánh bạc được thua bằng vé số. Khi đánh bạc được thua bằng tiền anh không có tiền mà dự định nếu thua sẽ mượn tiền chung, kết quả anh thua hết 05 tờ vé số, đánh bạc được thua bằng tiền thì anh không thắng, không thua.

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo Đỗ Thanh H, Lâm Văn Ch, Nguyễn Thanh X, Ngô Văn D cùng với anh Bùi Văn H, anh Lê Văn Th và anh Trương Văn B dùng vào việc đánh bạc trong ngày 17/12/2018 là 2.100.000 đồng (trong đó số tiền thừa nhận dùng để đánh bạc: 1.580.000 đồng và số tiền thu tại chiếu bạc là 520.000 đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về số tiền dùng vào đánh bạc.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại anh Bùi Văn H số tiền 2.600.000 đồng, không dùng vào việc đánh bạc; trả cho anh Trương Văn B và anh Bùi Văn H mỗi người 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím số.

Đối với số tiền là 10.110.000 đồng, trong đó: Thu giữ trên chiếu bạc là 520.000 đồng, thu giữ của Bị cáo D là 9.350.000 đồng (trong đó Bị cáo D chỉ dùng là 800.000 đồng để đánh bạc), các bị cáo giao nộp là 240.000 đồng (Trong đó Bị cáo H là 80.000 đồng, Bị cáo Ch là 60.000 đồng và Bị cáo X là 100.000 đồng), do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý.

Do số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, không đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên, các bị cáo đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính mà tiếp tục vi phạm cụ thể như sau: Vào ngày 11/01/2018 Bị cáo H bị Công an xã Ph, huyện K, tỉnh Trà Vinh xử phạt là 1.500.000 đồng (đóng phạt ngày 15/01/2018); ngày 26/12/2017 Bị cáo Ch bị Công an xã H, huyện C xử phạt là 2.000.000 đồng (đóng phạt ngày 02/01/2018); ngày 26/02/2018 Bị cáo X bị Công an huyện C xử phạt là 1.500.000 đồng (đóng phạt ngày 08/3/2018); ngày 11/01/2018 Bị cáo D bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xử phạt là 1.500.000 đồng (đóng phạt ngày 19/01/2018).

Do đó, hành vi đánh bạc của các bị cáo vào ngày 17/12/2018, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với anh H, anh B và anh Th có tham gia đánh bạc nhưng chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc”, nên Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc mỗi người là 1.500.000 đồng. Đồng thời, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng của anh Th dùng vào đánh bạc.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím số không xác định được của ai. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ và thông báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Qua xác minh không chứng minh được anh Thạch H và anh Kim Văn T tham gia đánh bạc, nên không có cơ sở xử lý.

Đối với anh Đỗ Văn Kh không biết các bị cáo và các đối tượng khác tham gia đánh bạc tại nhà và không có lấy tiền hoa hồng nên không có cơ sở xử lý.

Tại cáo trạng số: 25/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố các bị cáo Đỗ Thanh H, Lâm Văn Ch, Nguyễn Thanh X và Ngô Văn D về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố các bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh H từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn Ch và Nguyễn Thanh X mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn D từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 520.000 đồng và số tiền của các bị cáo dùng vào đánh bạc là 1.040.000 đồng (trong đó của Bị cáo H là 80.000 đồng, Bị cáo X là 100.000 đồng, Bị cáo D là 800.000 đồng và Bị cáo Ch là 60.000 đồng).

Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục quản lý của bị cáo Ngô Văn D là 8.550.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

(Số tiền trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/8/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá, màu xanh, đã qua sử dụng.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc Bị cáo X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho các Bị cáo H, C và D, do bị cáo là người cao tuổi.

Bị cáo H trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Ch trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo làm thuê không có tiền để nộp phạt xin cho bị cáo được nộp phạt nhiều lần.

Bị cáo D trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo X trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo biết mình sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, do bị cáo là lao động chính và đang nuôi hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn

toàn phù hợp với những lời khai của các bị cáo trước đây tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản sự việc, biên bản tạm giữ tang vật, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh tang vật và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 12 giờ, ngày 17/12/2018, tại nhà của anh Đỗ Văn Kh, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo Ngô Văn D, Đỗ Thanh H, Lâm Văn Ch và Nguyễn Thanh X với anh Bùi Văn H, anh Trương Văn B và anh Lê Văn Th cùng tham gia đánh bạc, được thua bằng tiền, với tổng số tiền là 2.100.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Do số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, không đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên, các bị cáo đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; khi bị xử phạt vi phạm hành chính và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có khiếu nại gì đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền nên các quyết định này đúng quy định của pháp luật và các bị cáo chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính mà tiếp tục vi phạm. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi đã thành niên, đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi đánh bạc của các bị cáo vào ngày 17/12/2018, tại nhà của anh Đỗ Văn Kh; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cho nên Cáo trạng số: 25/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với hành vi đánh bạc của anh Bùi Văn H, anh Trương Văn B và anh Lê Văn Th không đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc”, nên Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người là 1.500.000 đồng và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Mặc dù hành vi đánh bạc này chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự nhưng hành vi

này là vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử nghiêm khắc phê phán anh H, anh B và anh Th.

[5] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím số không xác định được của ai. Cơ quan điều tra đang tạm giữ và đã thông báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Qua xác minh không chứng minh được anh Thạch H và anh Kim Văn T tham gia đánh bạc, nên không xem xét. Đối với anh Đỗ Văn Kh không biết các bị cáo và các đối tượng khác tham gia đánh bạc tại nhà và không có lấy tiền hoa hồng, nên không có cơ sở xử lý.

[6] Về tình tiết tăng nặng, nhân thân đối với các bị cáo: Không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo đều có nhân thân xấu.

[7] Về mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo: Hai Bị cáo H và D là người ngồi tụ trực tiếp đánh bạc được thua bằng tiền và vé số từ khi bắt đầu đến khi bị bắt quả tang, mức độ phạm tội của hai bị cáo là tích cực và số tiền dùng vào đánh bạc nhiều hơn so với hai Bị cáo X và C không trực tiếp ngồi tụ chỉ tham gia đánh bạc được thua bằng tiền bằng cách đánh theo tụ của người khác và số tiền dùng vào đánh bạc cũng ít hơn, khi quyết định hình phạt cần xem xét tăng nặng đối với hai Bị cáo H và D.

[8] Về các tình tiết giảm nhẹ đối với Bị cáo H gồm: Sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có mẹ là bà Nguyễn Thị H là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba; là người cao tuổi; xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế; không có tiền án, tiền sự. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[9] Về các tình tiết giảm nhẹ đối với Bị cáo D gồm: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha là Ngô Văn Ngh là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, thương binh hạng 4/4; là người cao tuổi; xuất thân từ thành phần nhân dân lao động trình độ học vấn thấp, nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế; không có tiền án, tiền sự. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[10] Về các tình tiết giảm nhẹ đối với Bị cáo Ch gồm: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải; là người cao tuổi; xuất thân từ thành phần nhân dân lao động trình độ học vấn thấp, nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế; không có tiền án, tiền sự. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[11] Về các tình tiết giảm nhẹ đối với Bị cáo X gồm: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đang nuôi 02 con còn nhỏ; xuất thân từ thành phần nhân dân lao động trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế; không có tiền án, tiền sự. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[12] Các Bị cáo H, D và C là người cao tuổi đáng lẽ phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật để làm gương cho con cháu noi theo; Bị cáo X thì có đầy đủ sức khỏe đáng lẽ ra các bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo ra thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình. Mặc dù các bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đáng lẽ ra các bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để từ bỏ việc đánh bạc nhưng ngược lại, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do các bị cáo nghiện đánh bạc, nên mới lao vào con đường phạm tội, bất chấp pháp luật. Tuy nhiên xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền ít, không có tổ chức, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn huyện Tiểu Cần tình hình tội đánh bạc có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần xử phạt các bị cáo với mức phạt tiền tương xứng với hành vi của từng bị cáo mà không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đã đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh.

[13] Khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức độ phạm tội của từng bị cáo như đã phân tích nêu trên để ra một Bản án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[14] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 520.000 đồng và số tiền của các bị cáo dùng vào đánh bạc là 1.040.000 đồng (trong đó của Bị cáo H là 80.000 đồng, Bị cáo X là 100.000 đồng, Bị cáo D là 800.000 đồng và Bị cáo Ch là 60.000 đồng).

Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục quản lý của bị cáo Ngô Văn D là 8.550.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

(Số tiền trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/8/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá, màu xanh, đã qua sử dụng.

[15] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[16] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc Bị cáo X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho các Bị cáo H, C và D, do bị cáo là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Thanh H, Lâm Văn Ch, Nguyễn Thanh X và Ngô Văn D phạm tội “*Đánh bạc*”;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh H là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn D là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Xử phạt bị cáo Lâm Văn Ch là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh X là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 520.000 đồng và số tiền của các bị cáo dùng vào đánh bạc là 1.040.000 đồng (trong

đó của Bị cáo H là 80.000 đồng, Bị cáo X là 100.000 đồng, Bị cáo D là 800.000 đồng và Bị cáo Ch là 60.000 đồng). Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục quản lý của bị cáo Ngô Văn D là 8.550.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

(Số tiền trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/8/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá, màu xanh, đã qua sử dụng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh X phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đỗ Thanh H, Lâm Văn Ch và Ngô Văn D.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an huyện Tiểu cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân